



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH	2
Message from Chairman	



TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG 2006	4
2006's operation review	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU	6
Main financial figures	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8
Financial statements for the year ended	

+ Thông tin về ngân hàng	10
Corporate information	

+ Mô hình tổ chức ngân hàng	12
Model of MCSB organization structure	

+ Báo cáo của kiểm toán viên độc lập	14
Report of the independent auditors	

+ Thuyết minh báo cáo tài chính	16
Notes to the financial statements	

• List of Main Correspondents	18
• List of MCSB' correspondents	20
• Mạng lưới của Ngân hàng Quân đội	22

CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP MỞ RA NHỮNG VẬN HỘI THÀNH CÔNG

Thư chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Phạm Tuấn

Thưa quý vị

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) đã trải qua 12 năm tồn tại và phát triển. Trong năm 2006, năm thứ 12 trên chặng đường lịch sử của Ngân hàng, MB đã trải nghiệm, đã có những bước tiến vượt bậc, toàn diện xét cả về chất và lượng.

Năm 2006 là một năm tương đối thành công của nền kinh tế Việt Nam. Gia nhập WTO vào cuối năm, Việt Nam được ghi nhận bởi các quốc gia, các chuyên gia, các tổ chức kinh tế lớn như là một điểm đến đầu tư mới với sức hút mạnh mẽ cùng tỷ lệ tăng trưởng lớn thứ hai trên thế giới. Với những điều kiện trên cùng tốc độ tăng trưởng GDP đạt xấp xỉ 8%, Việt Nam đang có

một vận hội mới để bắt đầu bước những bước tiến đầu tiên trên con đường toàn cầu hóa. Trong năm 2006, nền kinh tế cũng chứng kiến những biến chuyển mạnh mẽ trong sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, và đặc biệt là những phát triển trên thị trường tài chính.

NHQĐ đã phần nào tận dụng được nhiều cơ hội của thời kỳ hội nhập để từng bước chuẩn bị cho mình nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng vượt qua thách thức của những năm tới đây.

Tăng trưởng vốn chủ sở hữu trong năm qua đạt ...% tới mức _____ tỷ đồng và Tổng Tài sản tăng ...% đạt mức _____ tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả kinh doanh, tôi đồng thời muốn nhấn mạnh về sự phát triển mọi mặt của ngân hàng. Trong năm 2006, Ngân hàng đã khởi động và triển khai hàng loạt các chương trình, giải pháp nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho một giai đoạn phát triển hoàn toàn mới. Thông qua việc nâng cao năng lực quản trị trên mọi phương diện, mọi cấp độ từ Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị cũng như Ban Điều hành và quản lý các cấp cho đến từng đơn vị, nhân viên, NHQĐ đã tiếp cận dần với những thông lệ tốt nhất trên thế giới về quản trị doanh nghiệp và sẵn sàng cho những thay đổi khi các quy định pháp luật yêu cầu.

Năm 2006, NHQĐ đã khởi động và triển khai từng bước dự án hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin. Từng giai đoạn của dự án đã được thực hiện theo tiến độ, có điều chỉnh nhằm đảm bảo hệ thống này là nền tảng công nghệ căn bản nhất, tạo đà cho việc

phát triển của ngân hàng trong tương lai. Đây là một dự án quan trọng nằm trong những ưu tiên chiến lược của NHQĐ cùng với những giải pháp lớn khác để hoàn thành sứ mạng và những mục tiêu của NHQĐ. Tôi rất vui mừng được thông báo với quý vị rằng những thành tựu mà NHQĐ đã đạt được trong những năm vừa qua chính là thành quả do những giải pháp chiến lược mà NHQĐ đã vạch ra và thực hiện hết sức hiệu quả.

Về đối ngoại, NHQĐ đã có bước phát triển mạnh trong việc phát triển hệ thống ngân hàng đại lý nhằm phục vụ các yêu cầu của khách hàng. Trong nước, NHQĐ cũng đã liên minh với hàng loạt các ngân hàng, các công ty tài chính trong các hoạt động cho vay đồng tài trợ và nhiều hoạt động khác. Thông qua những hoạt động này, vị thế của NHQĐ được nâng cao và NHQĐ dần trở thành một đối tác quan trọng trên thị trường tiền tệ cũng như thị trường vốn. Sự tin cậy của khách hàng, của các nhà đầu tư và của cả cộng đồng chính là sự ghi nhận cũng là tưởng thưởng cho toàn thể cán bộ nhân viên NHQĐ trong mọi hoạt động của ngân hàng.

Không thể không nhắc đến sự đóng góp nhiệt thành của tất cả các cán bộ nhân viên NHQĐ trong năm qua. Với tinh thần lao động và lòng mong muốn đóng góp vào công việc chung của ngân hàng, với kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng, đội ngũ cán bộ nhân viên NHQĐ là nguồn lực chính để đem lại những thành công cho Ngân hàng trong năm 2006. Thay mặt cho HĐQT NHQĐ, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các anh chị em cán bộ nhân viên ngân hàng cũng như các cổ đông của ngân hàng.

Năm 2007, nền kinh tế Việt Nam còn hứa hẹn những

biến chuyển mạnh mẽ hơn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tôi đặc biệt tin tưởng rằng NHQĐ, các cổ đông, các cán bộ nhân viên sẽ tận dụng được những cơ hội do sự phát triển kinh tế và toàn cầu hóa đem lại, vượt qua được những thách thức, khắc phục những điểm còn hạn chế. Đồng thời, tận dụng những thế mạnh của mình để thực hiện những giải pháp lớn, hoàn thành những mục tiêu đề ra cho năm 2007. Chúng ta sẽ sẵn sàng để vươn lên một tầm cao mới cho phát triển trong tương lai, đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Xin chân thành cảm ơn quý vị.



10 SỰ KIỆN tiêu biểu năm 2006

1

18/01/2006

Ký kết hợp đồng và triển khai phần mềm quản trị ngân hàng với tập đoàn Temenos

Sau hơn 1 tháng tổ chức đấu thầu có sự tham gia tư vấn chuyên nghiệp của Tập đoàn BSA, MB đã chính thức ký hợp đồng với Temenos - tập đoàn hàng đầu thế giới chuyên cung cấp các giải pháp ngân hàng, nổi tiếng với giải pháp Globus và phiên bản mới nhất có tên T24. Đã có hơn 500 ngân hàng trên thế giới đã và đang sử dụng các giải pháp của Temenos. Tại Việt Nam, giải pháp của Temenos cũng là lựa chọn của một số ngân hàng hàng đầu, có chiến lược đầu tư bài bản vào lĩnh vực công nghệ thông tin. Hiện đại hoá hệ thống Công nghệ thông tin là một trong những ưu tiên của MB nhằm tăng sức cạnh tranh và hơn thế là mang lại cho khách hàng những dịch vụ và tiện ích ngân hàng tốt nhất.



2

6/4/2006

Được bình chọn "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2005"

Ngày 6/4/2006 tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội, đại diện ban lãnh đạo MB đã vinh dự đón nhận Cúp và giấy chứng nhận "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2005" từ ban tổ chức chương trình. Thương hiệu Mạnh là giải thưởng dành cho các thương hiệu uy tín, chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất Việt Nam do bạn đọc Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn. MB là một trong năm thương hiệu ngân hàng được nhận danh hiệu này trong năm 2005. Cuộc bình chọn này được tổ chức hàng năm do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại Bộ Thương mại tổ chức thông qua triển lãm thương hiệu trên trang www.vneconomy.com.vn.

Thành công giúp nâng cao uy tín,
tăng cường tin cậy





Phát triển gợi sức hút đầu tư, mở rộng thị trường

4

Ngày 1/6/2006 và 1/9/2006

Ra mắt các dịch vụ tiện ích Mobile banking và Internet banking

Ngày 1/6/2006 và 1/9/2006 MB đã lần lượt triển khai hai dịch vụ tiện ích miễn phí dành cho khách hàng là Mobile banking thông qua tổng đài 8077 và Internet banking thông qua trang web militarybank.com.vn. Những tiện ích này đã mở rộng thêm kênh phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Đến nay hàng ngàn khách hàng đã thường xuyên sử dụng tiện ích này để truy vấn thông tin tài khoản, thông tin MB . . .

3

Tháng 5 /2006

Hợp tác với tổ chức CIDA của Canada trong chương trình tăng cường năng lực quản trị rủi ro

Tháng 5/2006 MB là 2 trong số 10 ngân hàng TMCP tham gia ứng cử và được tổ chức CIDA của Canada lựa chọn để tài trợ trong chương trình chẩn đoán, cải thiện hệ thống quản trị rủi ro nằm trong chương trình hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức này. Trong quá trình thực hiện dự án, MB sẽ được tư vấn trang bị hệ thống quản trị rủi ro tiêu chuẩn quốc tế cùng các hỗ trợ của chuyên gia nước ngoài trong việc vận hành hệ thống quản trị này.





MB- Môi trường của sự năng động,
sáng tạo, tinh thần tập thể, đoàn kết
MB-Ngôi nhà chung của những khát
vọng, nỗ lực vươn lên
MB-Bến bờ của những thành công
tương lai

6

Khai trương 13 Chi nhánh và Phòng giao dịch,
nâng tổng số điểm giao dịch lên con số 38

Trong năm MB đã mở thêm 13 điểm giao dịch mới trong đó có những địa phương lần đầu tiên có mặt MB là Việt Trì, Bình Định, Cần Thơ. Tại Hà Nội mở thêm 5 phòng giao dịch gồm Xuân Thủy, Nguyễn Du, Lãn Ông, Kim Mã, Nghĩa Tân và 1 chi nhánh là Giảng Võ. Tại Đà Nẵng khai trương phòng giao dịch Hải Châu và tại thành phố Hồ Chí Minh các chi nhánh Gò Vấp, Phú Thọ cũng đã đi vào hoạt động. Mặc dù mới đi vào hoạt động nhưng hầu hết các điểm giao dịch đều đạt được những thành tích rất đáng khích lệ.

5

Năm APEC 2006 tại Việt Nam

Vinh dự tài trợ và tham gia vào sự kiện lớn nhất Việt Nam
2006 – APEC 14

Năm APEC 2006 là sự kiện quốc tế lớn nhất từ trước đến nay tổ chức tại Việt Nam và trọng tâm là tuần lễ quốc gia APEC diễn ra từ ngày 12 đến 19 tháng 11 năm 2006 tại Hà Nội. Với vai trò là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu, MB đã tham gia tích cực vào các hoạt động thương mại và quảng bá tại APEC như Quảng bá thương hiệu trên băng rôn chào mừng APEC, tham dự triển lãm “Ngôi nhà chung APEC”, tài trợ Hội nghị của Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (Hội nghị ABAC) và đặc biệt lãnh đạo MB đã tham dự Hội nghị các Tổng giám đốc doanh nghiệp APEC (APEC CEO Summit) – sự kiện quan trọng nhất của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và kinh tế trong khu vực, những người có ảnh hưởng lớn đến tương lai khu vực Châu Á Thái Bình Dương.





7

Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 1.045,2 tỷ đồng và phát hành 220 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi

Trong năm 2006, MB đã 3 lần thực hiện tăng vốn lần lượt từ 450 tỷ lên 650, 780 và 1.045, 2 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông đề ra và trở thành một trong số ít các ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô điều lệ lớn hơn 1.000 tỷ đồng. Theo kế hoạch trong năm tài chính 2007, MB sẽ tăng vốn điều lệ lên tối thiểu 1.500 tỷ đồng.

Mở ra những vận hội thành công



8

29/11/2006

Thành lập Công ty Quản lý quỹ đầu tư Hà Nội (HFM) và Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội (Hanoi Fund)

Ngày 29/11/2006 công ty thành viên thứ ba trong hệ thống MB là HFM đã chính thức khai trương đồng thời với Quỹ Hanoi Fund do HFM quản lý. HFM được thành lập theo hình thức Công ty Trách nhiệm hữu hạn do MB làm chủ sở hữu với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng hoạt động trên các lĩnh vực: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư; tư vấn tài chính; tư vấn đầu tư chứng khoán; đầu tư tài chính. Sự ra đời của HFM là bước thực thi chiến lược đa dạng hóa các sản phẩm và dịch tài chính nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.





9

29/11/2006

Lần đầu tiên tổ chức cuộc thi “Nữ MB thông minh - duyên dáng - thanh lịch”

Tháng 2/2006, Ngân hàng ban hành sổ tay “Phong cách giao dịch chuẩn mực với mục đích nâng cao chất lượng giao dịch chuyên nghiệp, lịch sự và hiệu quả. Cuộc thi “Nữ MB thông minh – duyên dáng – thanh lịch” tổ chức vào ngày 4/11/2006 nhằm tôn vinh những tinh hoa, những giao dịch viên xuất sắc của hệ thống. Các thí sinh không những phải thể hiện sắc đẹp, tài năng nghệ thuật mà còn phải biết xử lý thông minh, lịch sự các tình huống trong khi giao dịch với Khách hàng. Cuộc thi mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, động viên toàn thể CBCNV MB rèn luyện, phấn đấu, đảm bảo đúng chuẩn mực do Ngân hàng đề ra.



10

Phối hợp với Hội chữ thập đỏ Việt Nam trong công tác từ thiện xã hội

Trong năm 2006, MB đã hợp tác chặt chẽ với Hội chữ thập đỏ Việt Nam trong nhiều hoạt động có ý nghĩa của Hội như khám chữa bệnh nhân đạo, cấp thuốc miễn phí, thăm hỏi người nghèo, tổ chức hiến máu nhân đạo . . .Hoạt động này đã có sự tham gia tích cực của các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Chính trị, Hội phụ nữ và tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần to lớn. Dự kiến trong năm 2007, các hoạt động này sẽ tiếp tục được duy trì và mở rộng hơn về quy mô.

“Những món quà nhỏ bé nhưng ấm áp nghĩa tình chính là tấm lòng tri ân của MB đối với những đồng đội đã hy sinh trong thời chiến hay những người còn phải chịu thiệt thòi trong thời bình”

PHẦN 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2006

Tình hình chung

Đối với Việt Nam, năm 2006, việc tổ chức thành công Hội nghị APEC và gia nhập tổ chức thương mại toàn cầu WTO đã mở ra cho Việt Nam nhiều vận hội mới cho hợp tác, đầu tư và phát triển. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội nhìn chung đạt được kế hoạch đề ra. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao là 8,17%/năm, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,4% khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10.37%, khu vực dịch vụ tăng 8.29%. Tổng kim ngạch XNK năm 2006 đạt 84 tỷ và tăng 21% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 39,6 tỷ USD tăng 22.8% so với năm trước, nhập khẩu đạt mức 44.41 tỷ USD tăng 20.1% so với năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 6.6% so với năm trước, giá vàng tăng bình quân 36.6%, giá đôla Mỹ tăng 0.9%.

Về thị trường tài chính tiền tệ trong nước, trong năm 2006, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt hơn năm 2005 thông qua hai động thái: giữ nguyên các mức lãi suất chủ đạo như 12/2005, giảm lượng tiền lưu thông so với lượng tiền cuối năm 2005 và hút mạnh tiền cung ứng thông

qua kênh cầm cố và chuyển khoản. Đối với chính sách về tỷ giá, được điều chỉnh giảm nhẹ (0.95%) nhằm khuyến khích xuất khẩu nhưng đồng thời kiềm chế lạm phát. Chính sách tín dụng được điều hành theo hướng tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát tăng trưởng tài sản có rủi ro, tăng cường hoạt động vốn để cho vay các dự án trọng điểm và dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong khi đó, năm 2006 được đánh giá là năm rất thành công của khối NHTMCP, các NHTMCP liên tục tăng vốn điều lệ thông qua bán cổ phiếu cho các cổ đông nước ngoài, phát hành cổ phiếu trong nước, lợi nhuận tăng cao so với năm 2006. Trong năm 2006 các NHTMCP có tốc độ tăng trưởng về tổng tài sản khoảng 48%-50% so với đầu năm, gấp hai lần tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành. Với năng lực tài chính ngày càng mạnh, các NHTMCP đã đầu tư mạnh mẽ vào các sản phẩm và dịch vụ với công nghệ hiện đại, dịch vụ ATM được chú trọng thu hút vốn với lãi suất thấp, đồng thời các ngân hàng cũng tiến hành mở rộng mạng lưới hoạt động chiếm lĩnh thị trường.



Về hoạt động ngân hàng

1. Kết quả các hoạt động kinh doanh chính

1.1. Tăng vốn điều lệ

Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ làm 3 đợt, trong đó đợt 3 tăng theo hình thức chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phần với mức 42% đối với số cổ phần phát hành trước 1/1/2006 hoặc 3,5%/tháng đối với các tháng trong năm 2006. Với 3 đợt tăng vốn, vốn điều lệ của Ngân hàng đến 31/12/2006 đạt 1.045,2 tỷ, tăng 2,32 lần so với đầu năm, nâng tổng vốn chủ sở hữu của Ngân hàng là 1.413,79 tỷ, tăng xấp xỉ 2 lần so với đầu năm. Trong năm, Ngân hàng cũng đã phát hành thành công 220 tỷ trái phiếu chuyển đổi với thời gian là 5 năm, chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1. Trong thời gian nắm giữ, các cổ đông của Ngân hàng sẽ được hưởng lãi suất 8%/năm.

1.2. Huy động vốn:

Tính đến 31/12/06, tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng đạt 11.242 tỷ, tăng 59,95% so với đầu năm, bằng 122,19% kế hoạch năm. Lượng vốn huy động được từ dân cư tăng trưởng khá, đạt 4.576,84 tỷ, tăng 91,7% so với đầu năm. Đây là một kết quả tăng trưởng rất khá, thể hiện uy tín và hình ảnh tốt của Ngân hàng Quân Đội đối với khách hàng. Đặc biệt, lượng tiền gửi không kỳ hạn của cá nhân tăng trưởng cao, đạt 157,87 tỷ, tăng 165% so với đầu năm. Trong năm, Ngân hàng đã triển khai thành công chương trình Tiết kiệm dự thưởng "Du xuân cùng MB", góp phần mang lại cho Ngân hàng lượng tiền gửi lớn, đồng thời quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Ngân hàng.

Tiền gửi của các TCKT tính đến 31/12/06 đạt 5.174,92 tỷ, tăng 66% so với đầu năm. Trong năm 2006, thị trường vốn liên Ngân hàng có sự dư thừa. Ngân hàng Quân Đội đã tham gia khá tích cực trên thị trường này Ngân hàng. Vốn huy động trên thị trường này đến 31/12/06 đạt 1.490 tỷ, bằng 96,5% so với đầu năm. Việc tham gia này đã giúp Ngân hàng nâng cao được tính thanh khoản, đồng thời chủ động kinh doanh trên thị trường interbank.

1.3. Tình hình sử dụng vốn

Tính đến 31/12/2006, tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng là 6.181,59 tỷ, tăng 38,3% so với đầu năm, tăng 6,58% so với kế hoạch đề ra. Trong năm, Ngân hàng

Quân Đội tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, cơ cấu lại nợ vay, đẩy mạnh cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ và tín dụng bán lẻ. Tỷ trọng cho vay khối KHCN đã tăng lên đáng kể trong tỷ trọng cho vay so với thời điểm đầu năm, đạt 17,42% tổng dư nợ.

Về quản lý chất lượng tín dụng, Ngân hàng đã từng bước xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động của quản lý tín dụng, chỉ đạo các chi nhánh thực hiện nghiêm túc Quyết định 493 của Ngân hàng Nhà nước.

Đến 31/12/2006, tỷ lệ nợ quá hạn nhóm 2,3,4,5 là 6,85%, tỷ lệ nợ quá hạn nhóm 3,4,5 là 2,85%.

1.4. Hoạt động phi tín dụng

1.4.1. Hoạt động bảo lãnh:

Hoạt động bảo lãnh vẫn tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp nhiều lợi nhuận cho ngân hàng. Số dư bảo lãnh đến 31/12/06 đạt 1.365,25 tỷ. Doanh số bảo lãnh tăng nhưng chất lượng của hoạt động bảo lãnh vẫn được đảm bảo. Kể từ khi cung cấp dịch vụ, Ngân hàng vẫn chưa phải thực hiện một nghĩa vụ bảo lãnh nào. Tổng thu phí bảo lãnh tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, bằng 162% kế hoạch năm.

1.4.2. Hoạt động kinh doanh vốn và ngoại tệ

Hoạt động quản lý và kinh doanh ngoại tệ đã đảm bảo việc quản lý thanh khoản, quản lý dự trữ bắt buộc toàn hệ thống một cách chặt chẽ, quản lý vốn tập trung thông qua cơ chế mua bán vốn nội bộ, mang lại hiệu quả cao cho Ngân hàng, quản lý chặt chẽ tài khoản Nostro. Ngoài ra, Ngân hàng đã tích cực tham gia trên thị trường liên Ngân hàng, tham gia thị trường mở, thực hiện các nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá, thực hiện các nghiệp vụ Hoán đổi, đối ứng sản phẩm với các ngân hàng HSBC, Citibank, Standard Chartered... Lợi nhuận năm 2006 tăng 40% so với cùng kỳ năm trước, bằng 178,22% kế hoạch năm. Trong đó, lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 197% kế hoạch năm, tăng 27 % so với cùng kỳ. Thu từ mua bán vốn nội bộ tăng 23,3%, thu từ hoạt động kinh doanh trên thị trường liên Ngân hàng tăng 157,7% thu từ hoạt động thị trường mở, cầm cố trái phiếu, tăng 128,7% so với cùng kỳ.

1.4.3. Hoạt động thanh toán quốc tế

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 791,407 triệu USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ. Tuy các L/C không

có giá trị lớn như năm trước nhưng số lượng giao dịch lại tăng lên tương đối khá và lượng khách hàng giao dịch cũng tăng. Tổng phí TTQT đạt 114% kế hoạch năm, tăng 13,87% so với cùng kỳ.

Trong năm, Ngân hàng đã xây dựng và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Ngân hàng, hỗ trợ về nghiệp vụ cho các chi nhánh chưa có bộ phận TTQT, tổ chức Hội thảo “Tài trợ xuất nhập khẩu với các doanh nghiệp Hải Phòng”, quản lý tốt hệ thống SWIFT của toàn hệ thống, đảm bảo an toàn trong thanh toán với các đối tác nước ngoài.

Hoạt động quan hệ quốc tế cũng có nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hiện nay, Ngân hàng đã thiết lập được quan hệ đại lý với 500 ngân hàng trên toàn thế giới, được một số Ngân hàng lớn cấp cho các hạn mức tín dụng xác nhận L/C với giá trị lớn, giải quyết được các khó khăn khi thông báo L/C vào thị trường Trung Quốc, rút ngắn thời gian thông báo L/C từ 1 tuần xuống còn 1 ngày. Thanh toán hàng đổi hàng với các Ngân hàng Nga được quản lý chặt chẽ, an toàn và chính xác.

1.4.4 Hoạt động kinh doanh thẻ

Trong năm 2006, toàn hệ thống phát hành được 24.929 thẻ, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ, nâng tổng số thẻ lưu hành trên toàn hệ thống 36.562 thẻ, tăng 4,54 lần so với đầu năm. Triển khai lắp đặt 52 POS và lắp mới 32 ATM. Đây là một kết quả tăng trưởng khá, thể hiện quyết tâm cao của toàn hệ thống Ngân hàng. Năm 2006, Ngân hàng đã tổ chức lại phòng Thẻ thành Trung tâm thẻ, phối hợp với tư vấn xây dựng Đề án chiến lược phát triển Thẻ đến năm 2015, lựa chọn đối tác cung cấp phần mềm thẻ. Đồng thời, triển khai thanh toán cước Viettel qua ATM và đề án thanh toán cước trả trước tự động cho Viettel.

1.5. Phát triển Sản phẩm, dịch vụ

Trong năm Ngân hàng đã phối hợp với VNET hoàn thiện và đưa ra chính thức sản phẩm SMS Banking vào tháng 4/06, sản phẩm Internet Banking vào tháng 6/06. Ban hành một số sản phẩm cho vay du học, cho vay chứng khoán, phát triển các sản phẩm liên kết với Viettel, sản phẩm chiết khấu, cho vay đối với doanh nghiệp xây lắp, cho vay theo món, hạn mức và cho vay dựa trên tài sản...

1.6. Hoạt động đầu tư

Tính đến 31/12/2006, tổng số vốn góp, liên doanh, cổ phần của Ngân hàng là 174,8 tỷ, tăng 3,4 lần so với đầu năm. Các hoạt động đầu tư góp vốn được thực hiện đa dạng theo nhiều phương thức như mua cổ phần DNNN bán đấu giá lần đầu khi CPH, mua cổ phần Cổ đông chiến lược, đầu tư góp vốn Quỹ đầu tư chứng khoán, giao dịch trung tâm GDCK Hà Nội và các hoạt động uỷ thác, giao dịch thông qua TSC. Nhìn chung danh mục đầu tư của Ngân hàng có chất lượng tốt.

Nhìn chung, hoạt động góp vốn đầu tư cổ phần của ngân hàng vẫn đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Quân Đội về quản lý góp vốn đầu tư.

2. Công tác tài chính-kế toán

Về hoạt động kế toán: Mặc dù khối lượng khách hàng và chứng từ giao dịch tăng rất nhiều so với năm 2005 và nhưng hoạt động kế toán vẫn đáp ứng được yêu cầu giao dịch và yêu cầu về thông tin báo cáo. Công tác theo dõi các khoản thu, chi của toàn hệ thống, theo dõi đối chiếu điện trong toàn hệ thống, theo dõi các khoản đầu tư, cấp vốn, cổ đông, cổ phần cổ phiếu, thực hiện tổng quyết toán năm 2005, hỗ trợ quyết toán thuế năm 2004, 2005 của Tổng cục thuế được thực hiện tốt.

Hoạt động kiểm soát nội bộ: Đã thực hiện các chương trình kiểm tra nội bộ các đơn vị. Kiểm tra việc thực hiện Quy chế, quy trình các hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh, kịp thời phát hiện kịp thời các sai sót và đưa ra các ý kiến



tham mưu cho Ban lãnh đạo. Trong năm, Ngân hàng cũng đã phối hợp KPMG kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2005 Ngân hàng Quân đội theo tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn kế toán trong nước.

Hoạt động kho quỹ vẫn đảm bảo an toàn: Vẫn đảm bảo thu chi chính xác, đầy đủ kịp thời cho khách hàng, từng bước triển khai mô hình giao dịch 1 cửa tại một số chi nhánh.

Về công tác quản lý tài chính: Công tác quản lý tài chính với việc thực hiện kế toán chi phí, giao và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đối với các đơn vị kinh doanh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra cho cả hệ thống đã được thực hiện tốt hơn. Đối việc quản lý chi tiêu, Ngân hàng luôn chủ trương thực hành tiết kiệm, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về chi tiêu, hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế, ban hành quy chế tài chính trong toàn hệ thống.

3. Đề án đổi mới

Năm 2006, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đổi mới theo lộ trình của Kế hoạch chiến lược đã đề ra, cụ thể như sau:

3.1. Đổi mới mô hình tổ chức:

Ngân hàng tiếp tục bổ sung nhân sự cho các phòng ban, củng cố hoạt động của các Khối khách hàng doanh nghiệp và Khối khách hàng cá nhân, thành lập thí điểm phòng Khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân tại chi nhánh Điện Biên Phủ, hoàn thiện một số quy trình, quy chế hoạt động của các phòng ban. Trong kỳ, Ngân hàng cũng đã thành lập công ty thành viên của Ngân hàng là Công ty Quản lý quỹ theo như kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

+ Khối khách hàng cá nhân
Ban hành Quy chế hoạt động Khối KHCN, quy chế hoạt động Phòng dịch vụ KHCN tại các chi nhánh cấp I, quy định về chức năng nhiệm vụ phòng PT KHCN Hội sở, ban hành quy trình cho vay KHCN, chuẩn hoá mẫu hồ sơ tín dụng và các mẫu biểu liên quan, quy trình giao dịch 1 cửa. Đồng thời, soạn thảo và báo cáo ban lãnh đạo các đề án phát triển mạng lưới TP Hà Nội, HCM, đề án Call Centre, phát triển dịch vụ kiểu hối. Ban hành một số sản

phẩm cho vay du học, cho vay chứng khoán, phối hợp với các chi nhánh phát triển mở rộng được 10 điểm giao dịch.

+ Khối khách hàng doanh nghiệp
Xây dựng quy chế hoạt động của Khối KHDN và Phòng KHDN, xây dựng hướng dẫn một số sản phẩm và mẫu biểu đi kèm như Chiết khấu, cho vay đối với doanh nghiệp xây lắp, cho vay theo món, hạn mức...Đồng thời, phối hợp với công ty luật VILAF và các xây dựng 4 mẫu hợp đồng quan trọng (3 hợp đồng về cho vay và 1 hợp đồng về thế chấp tài sản là nhà và đất). Trong năm, Ngân hàng đã tổ chức đánh giá hoạt động Khối KHDN toàn hệ thống, xây dựng đề án nhằm phát triển khách hàng là các DNV&N, xây dựng đề cương phân tích và đánh giá các định chế tài chính.

3.2. Quản trị hệ thống công nghệ thông tin

Về dự án công nghệ thông tin: Dự án nhận chuyển giao phần mềm Corebanking của Temenos được ký hợp đồng vào ngày 6/1/06. Đây là một dự án lớn có sự tham gia của nhiều phòng ban và chi nhánh và được triển khai trên 5 module lớn là Tín dụng, bán lẻ, Treasury, Trade finance và tài chính kế toán. Hiện nay, dự án đã hoàn thành việc phân tích nghiệp vụ, phát triển hệ thống theo đặc thù và yêu cầu của Ngân hàng Quân Đội, đào tạo các super user, soạn thảo quy trình vận hành chuẩn cho người sử dụng. Hiện nay, dự án đang được gấp rút thực hiện các hoạt động về làm sạch dữ liệu, kiểm tra tích hợp, chuẩn bị các điều kiện để chạy chính thức hệ thống vào 02/4/2007 và hoàn tất vào cuối tháng 5/2007.

Hệ thống T24 là một hệ thống hiện đại, linh hoạt và tích hợp, có thể đáp ứng các yêu cầu của Ngân hàng ở mức chi nhánh cũng như mức trụ sở chính, đáp ứng các yêu cầu trực tuyến và môi trường xử lý tức thời, theo sát các thông lệ và các yêu cầu nghiệp vụ của Ngân hàng. Ngoài ra, T24 có các tính năng nổi bật như hỗ trợ chạy trên nhiều máy chủ cho phép hệ thống gia tăng đáng kể tốc độ hạch toán và truy xuất thông tin, qua đó tăng cao hiệu suất giao dịch, đồng thời với công nghệ tổ hợp và cân bằng tải, hệ thống sẽ an toàn hơn trong việc đề phòng các sự cố máy chủ. Trong thực tế T24 cho phép thực hiện tới 1,000 giao dịch ngân hàng/giây với cùng một lúc lúc cho phép tới

10,000 người truy nhập hệ thống trực tiếp và 100,000 người qua T24 Internet, quản lý hơn 50 triệu tài khoản khách hàng. Đồng thời với tính năng Non-stop vượt trội (loại bỏ tình trạng giao dịch khi hệ thống bị ngừng khi đóng ngày, trong thời gian quyết toán, các ngày nghỉ, ngày lễ), Ngân hàng và khách hàng có thể truy cập vào hệ thống vào mọi thời điểm trong ngày.

Về hoạt động quản lý: Ngân hàng xây dựng đường truyền giữa Hội sở và các chi nhánh, đảm bảo kịp thời phục vụ cho yêu cầu quản lý. Nhìn chung hoạt động của hệ thống CNTT đã cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra, đảm bảo hệ thống IBankMaster hoạt động ổn định. Trong năm, Ngân hàng đã mua sắm thiết bị CNTT cho toàn hệ thống, mua sắm các phần mềm có bản quyền cho hệ thống như phần mềm Windows XP, Office 2003, CSDL Oracle, IBM AIX 5.3...

3.3. Về quản lý rủi ro:

Triển khai Dự án cải cách Ngân hàng do CIDA, Canada tài trợ. Đây là Dự án do Ngân hàng Nhà nước phối hợp với CIDA triển khai, nhằm hỗ trợ các Ngân hàng thương mại tăng cường năng lực quản trị rủi ro. Ngân hàng Quân Đội là 2 trong số 10 ngân hàng được CIDA lựa chọn (cùng với Sacombank). Dự án đã triển khai xong giai đoạn tìm hiểu về chính sách, quy trình nghiệp vụ, mô hình tổ chức hiện tại của Ngân hàng để tìm ra những bất cập trên các lĩnh vực: rủi ro hoạt động, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, tài chính kế toán, kiểm soát nội bộ và quản trị điều hành. Giai đoạn 2 của dự án sẽ là đưa ra những khuyến nghị phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro trên cơ sở thực trạng quản lý rủi ro của Ngân hàng.

3.4. Về nhân sự và đào tạo:

Tính đến 31/12/2006, toàn hệ thống Ngân hàng Quân Đội có 1.068 người, tăng 357 người so với đầu năm. Nếu không tính các công ty trực thuộc thì tổng cán bộ nhân viên Ngân hàng là 828 người. Đội ngũ cán bộ nhân viên Ngân hàng đang ngày càng được nâng cao về trình độ với tỷ lệ từ đại học đến trên đại học chiếm trên 88%, trình độ cao đẳng là 12%. Tỷ lệ này tăng khá so với đầu năm, thể hiện chất lượng nhân sự đầu vào của Ngân hàng đã cao hơn.

Trong năm, ngân hàng đã tổ chức tuyển dụng lớn cho toàn hệ thống, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tổng số nhân viên mới tuyển dụng được là 319 người. Nhìn chung, các nhân viên được tuyển dụng đã được chú ý đào tạo ngay từ ban

đầu, có sự gắn kết chặt chẽ với công việc thực tế nên việc hoà nhập vào tổ chức của các nhân viên mới tương đối nhanh.

Về chính sách cho người lao động: Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lương, áp dụng cho cán bộ, nhân viên cho phù hợp với mức tăng lương của Nhà nước và thị trường lao động, tổ chức thi nâng bậc, khám sức khoẻ định kỳ cho nhân viên.

Về đào tạo, tổ chức 56 khoá đào tạo bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo từ bên ngoài, cử 15 lượt cán bộ đi đào tạo trong nước và nước ngoài, nâng tổng số lượt cán bộ được đào tạo lên 1.087 lượt, tăng gần 50% so với năm 2005. Nhìn chung, Các khoá học này đều có chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

3.5. Phát triển mạng lưới:

Ngân hàng đã khai trương, đưa vào hoạt động các chi nhánh cấp I như Gò Vấp, Bình Định, Cần Thơ, Cát Lái, Việt Trì và 1 chi nhánh cấp II, phòng giao dịch. Tính đến 31/12/2006, Ngân hàng TMCP Quân Đội có 38 chi nhánh và phòng giao dịch, thiết lập quan hệ Ngân hàng đại lý với 500 Ngân hàng và chi nhánh trên toàn thế giới.

3.6. Công tác truyền thông và quan hệ công chúng

Hoạt động Marketing năm 2006 đã có tính chuyên nghiệp và hiệu quả so với năm 2005 với việc thương hiệu MB ngày càng được biết đến rộng rãi trong công chúng. Trong năm, Ngân hàng đã lựa chọn được đối tác



về xây dựng chiến lược và phát triển thương hiệu MB, thành lập Ban đề án thương hiệu để triển khai các hoạt động về xây dựng chiến lược và phát triển thương hiệu. Giải thưởng thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2005 được trao trong năm 2006 là một kết quả rất đáng khích lệ. Ngoài ra, dự kiến trong đầu năm 2007, Ngân hàng sẽ được trao giải thưởng "Cúp vàng top ten Thương Hiệu Việt – Ngành Tài chính Ngân hàng" thông qua Chương trình "Bình chọn cúp vàng Thương Hiệu Việt uy tín chất lượng lần thứ III" do liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Hội tin học TP HCM, Tạp chí thế giới vi tính và Mạng thương hiệu Việt phối hợp thực hiện, nhằm tôn vinh các doanh nghiệp đi đầu trong việc xây dựng thương hiệu và ứng

dụng công nghệ thông tin, các quy trình quản lý vào sản xuất kinh doanh.

Về hoạt động quảng cáo, Ngân hàng đã triển khai quảng cáo bao gồm quảng cáo báo chí, truyền hình, quảng cáo tấm biển lớn và tài trợ quảng cáo Banner APEC tại Hà Nội, in tờ rơi KHDN, KHCN, profile, xuất bản Báo cáo thường niên năm 2005, bản tin nội bộ. Đồng thời, đã tài trợ thành công các chương trình Sao mai điểm hẹn, Hội nghị APEC, thi đấu thể thao, hoạt động từ thiện, tổ chức thành công các sự kiện Khai trương chi nhánh, 12 năm thành lập MB, kỷ niệm 10 năm CN HCM, ...



Hoạt động của các đơn vị trực thuộc

1. Công ty Chứng khoán Thăng Long

Công ty Chứng khoán Thăng Long, công ty đã hoàn thành tuyển dụng nhân viên mới, tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên, ổn định tổ chức sau khi chuyển trụ sở về 273 Kim Mã và thành lập Phòng giao dịch Chứng khoán Lý Nam Đế, tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng, xây dựng và trình HĐQT các quy chế của công ty, ký hợp đồng tư vấn về nhân sự, hợp đồng tư

vấn xây dựng hệ thống quản lý theo ISO. Về hoạt động kinh doanh, phát huy được sự tăng trưởng của thị trường, công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đạt 43,6 tỷ đồng lợi nhuận, tăng gấp 5,7 lần so với cùng kỳ, đạt 198% kế hoạch năm. Các hoạt động tư vấn cổ phần hoá, môi giới chứng khoán, tự doanh của công ty đều có sự tăng trưởng tốt so với năm trước.



3. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ Hà Nội Fund được thành lập và khai trương đi vào hoạt động ngày 29/11/2006 theo giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29/9/06. Theo đó, Công ty sẽ hoạt động trên các lĩnh vực: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng

khoán, đầu tư chứng khoán. Trong thời gian đầu thành lập, Công ty đã tập trung ổn định tổ chức, tuyển nhân sự, thành lập một quỹ đầu tư chứng khoán với số vốn ban đầu là 200 tỷ đồng. Công ty đã tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, từng bước tạo dựng hình ảnh trong thị trường tài chính Việt nam.



2. Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản

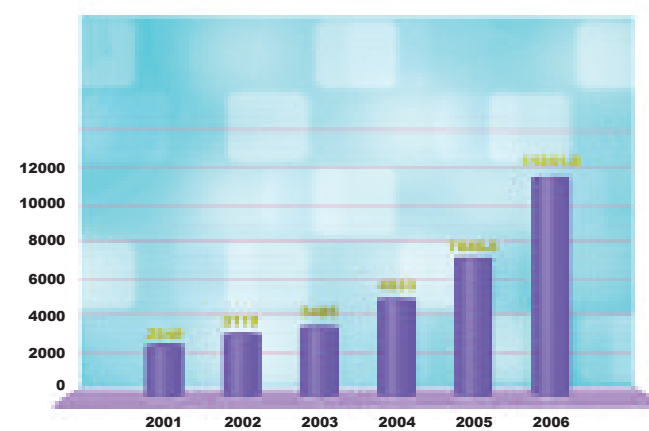
Tính đến 31/12/2006, công ty AMC đã thu hồi được 6,548 tỷ đồng nợ quá hạn. Trong năm, công ty cũng khai thác các tài sản đảm bảo nợ vay, quản lý tòa nhà Hội sở với doanh thu tạm tính là 2,134 tỷ, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, công ty còn thực

hiện quản lý một số dự án đầu tư của Ngân hàng Quân Đội và tiến hành cải tạo sửa chữa chi nhánh toàn hệ thống theo mô hình giao dịch chuẩn do Khối khách hàng cá nhân xây dựng.

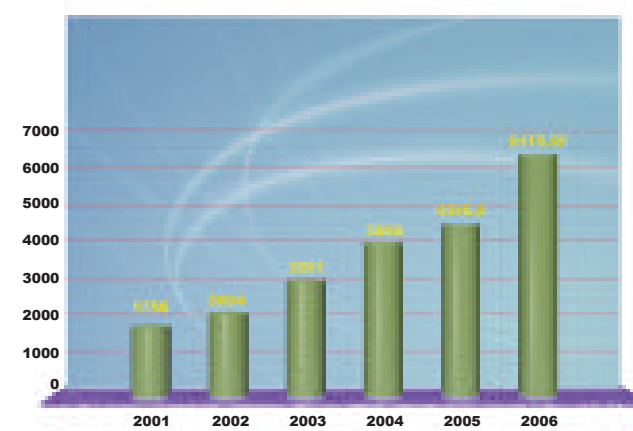


Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

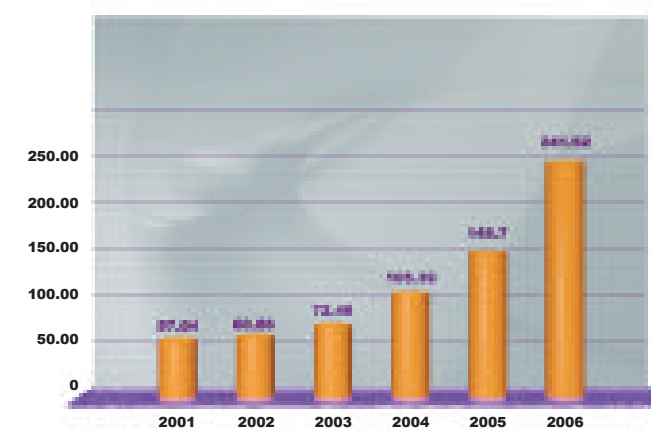
TỔNG VỐN HUY ĐỘNG



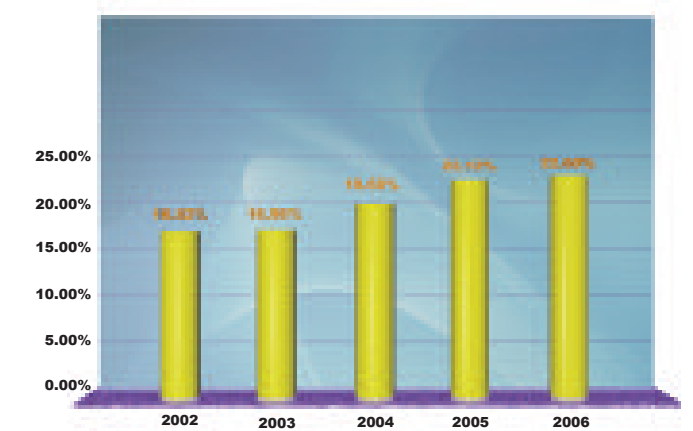
TỔNG DƯ NỢ



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



ROE
(LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ VỐN CSH BÌNH QUÂN)





*Mở ra những vận hội thành công
Widening successful chances*

Báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

2006

Thông tin về ngân hàng

TÊN GIAO DỊCH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Số: 0054/NH-GP, ngày 14 tháng 9 năm 1994

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp

TRỤ SỞ

3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Hội đồng quản trị



Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Tuấn



Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Bê



Phó chủ tịch
Ông Phạm Viết Thích



Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bảo



Ủy viên
Ông Lê Văn Đạo



Ủy viên
Ông Đào Quang Lành



Ủy viên
Ông Phạm Gia Thọ

Ban Tổng giám đốc



Ban Kiểm soát



Trưởng Ban KS
Ông Nguyễn Đình Khâm



Thành viên BKS
Bà Lê Thị Duân

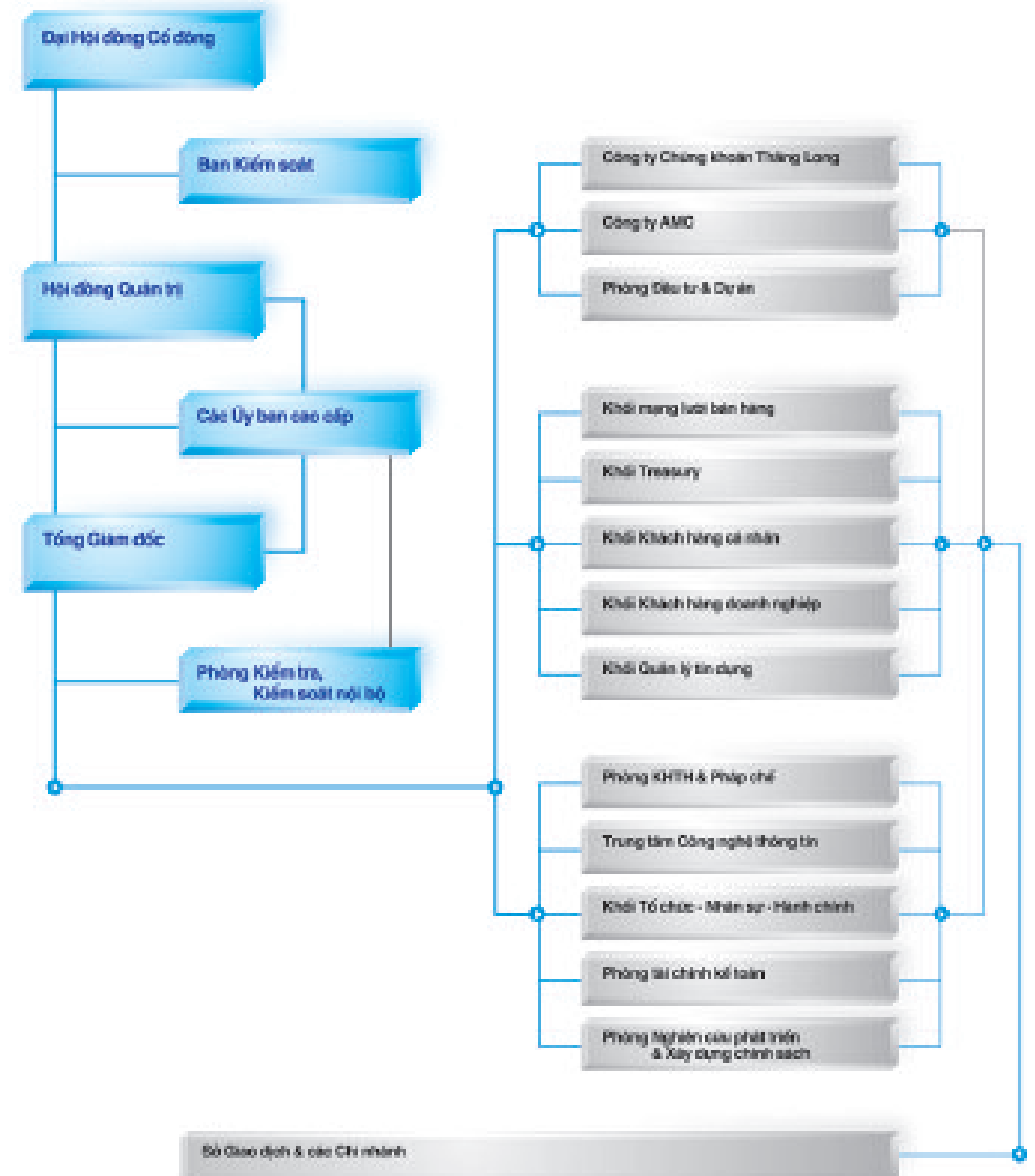


Thành viên BKS
Ông Nguyễn Xuân Trường



Thành viên BKS
Ông Nguyễn Tiến Hùng

Mô hình tổ chức ngân hàng



Báo cáo của kiểm toán viên độc lập

Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 24. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.



Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Giấy phép đầu tư số 863/GP
Báo cáo kiểm toán số 05-02-109

Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán việ số
0628/KTV
Phó tổng giám đốc Hà Nội

Hồ Việt Hà

Chứng chỉ kiểm toán
việ số 0676KTV

Đơn vị: triệu VND	Thuyết minh	2006	2005
Tài sản			
Tiền mặt tại quỹ, giấy tờ có giá	23	156.984	89.390
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3, 23	307.699	118.460
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	4, 23	5.716.246	2.951.282
Chứng khoán đầu tư	5	667.928	477.933
Chứng khoán theo hợp đồng mua lại	6	251.791	-
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (*)	7	5.742.942	4.218.138
Đầu tư góp vốn	8	334.025	123.302
Tài sản cố định	9	163.697	107.508
Tài sản khác	10	188.044	128.920
		13.529.356	8.214.933
Nợ phải trả			
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác (*)	11	1.171.230	1.049.186
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	12	30.000	226.701
Nguồn vốn vay khác	13	88.042	82.013
Tiền gửi của khách hàng	14	10.440.190	6.069.812
Trái phiếu chuyển đổi phát hành	15	220.000	-
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		9.849	5.079
Nợ phải trả khác	16	192.899	128.315
Dự phòng thuế phải nộp	17	11.492	17.229
		12.163.702	7.578.335
Vốn điều lệ	18	1.045.200	450.000
Thặng dư vốn cổ phần		57.596	23.975
Lợi nhuận để lại		187.268	105.350
Các quỹ	19	75.590	57.273
		13.529.356	8.214.933
Các khoản mục ngoại bảng			
Thư tín dụng		3.230.504	2.867.480
Bảo lãnh		1.297.873	1.159.878
Hợp đồng ngoại hối		2.763	111.655
Các cam kết cho vay chưa giải ngân		346.347	275.996

(*) Số dư trên không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 289.081 triệu đồng (năm 2005: 169.796 triệu đồng).

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc

Phạm thị Tỷ
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị: triệu VND	Thuyết minh	2006	2005
Thu nhập tiền lãi và các khoản có tính chất lãi		885.682	476.461
Chi phí tiền lãi và các khoản có tính chất lãi		(495.275)	(236.544)
Thu nhập tiền lãi ròng		390.407	239.917
Thu nhập từ phí và hoa hồng		46.543	27.955
Chi phí trả phí và hoa hồng		(7.498)	(5.848)
Thu nhập ròng từ phí và hoa hồng		39.045	22.107
Thu nhập ròng từ kinh doanh ngoại hối		6.635	3.154
Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư		32.359	4.659
Thu nhập hoạt động khác		43.811	30.155
Lương và các chi phí liên quan		(49.969)	(27.061)
Dự phòng cho các khoản vay và ứng trước khó đòi	7	(120.693)	(71.390)
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		(4.770)	(5.079)
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định		(17.282)	(10.528)
Chi phí quản lý chung		(66.654)	(37.319)
Lợi nhuận trước thuế		252.889	148.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(41.468)	(39.570)
Lợi nhuận sau thuế		211.421	109.045
Lãi trên cổ phiếu	21		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		0,36	0,29
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		0,35	Không áp dụng

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc

Phạm thị Tỷ
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị: triệu VND	Vốn cổ phần	Thặng dư Vốn cổ phần	Lợi nhuận để lại	Các quỹ	Tổng cộng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2005	350.000	8.975	76.971	45.793	481.739
				-	
Góp vốn	100.000	15.000	-	-	115.000
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	109.045	-	109.045
Trích lập các quỹ			(25.025)	25.025	-
Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	(2.377)	(2.377)
Phân chia cổ tức (xem Thuyết minh 22)	-	-	(55.518)	-	(55.518)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(11.014)	(11.014)
Các biến động khác	-	-	(123)	(154)	(277)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006	450.000	23.975	105.350	57.273	636.598
Góp vốn	315.000	313.821	-	-	628.821
Chuyển từ vốn cổ phần	280.200	(280.200)	-	-	-
Lợi nhuận ròng trong năm	-	-	211.421	-	211.421
Trích lập các quỹ	-	-	(44.246)	44.246	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(25.802)	(25.802)
Phân chia cổ tức (xem Thuyết minh 22)	-	-	(85.077)	-	(85.077)
Các biến động khác			(180)	(127)	(307)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.045.200	57.596	187.268	75.590	1.365.654

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc

Phạm thị Tỷ
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị: triệu VND	Thuyết minh	2006	2005
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		252.889	148.615
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	9	17.282	10.528
Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước khó đòi	7	120.693	68.636
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		4.770	5.079
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định		(16.605)	(11)
Lợi nhuận hoạt động trước những thay đổi tài sản và công nợ hoạt động		379.029	232.847
(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động			
Tiền gửi tại các ngân hàng khác		(648.998)	(463.549)
Chứng khoán theo các hợp đồng mua lại		(251.791)	-
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		(1.645.497)	(831.614)
Tài sản khác		(59.124)	(58.580)
Tăng/(giảm) công nợ hoạt động			
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác		122.044	682.050
Tiền vay từ NHNNVN		(196.701)	211.821
Các nguồn vốn ủy thác		6.029	29.559
Tiền gửi của khách hàng		4.370.378	549.205
Nợ phải trả khác		65.803	59.727
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		2.141.172	411.466
Chi trả từ quỹ và các biến động khác		(26.109)	(11.137)
Trả thuế thu nhập doanh nghiệp		(48.424)	(28.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.066.639	371.875
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua chứng khoán đầu tư (thuần)		(189.995)	(414.916)
Mua cổ phần trong các công ty khác		(145.558)	(29.986)
Bán cổ phần trong các công ty khác		21.835	3.165
Tặng đầu tư vào các công ty con		(87.000)	(1.325)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		39.867	11
Mua tài sản cố định		(96.733)	(25.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(457.584)	(468.132)

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Đơn vị: triệu VND	Thuyết minh	2006	2005
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần		628.821	115.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành		220.000	-
Phân chia cổ tức		(85.077)	(55.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		763.744	59.482
Tặng thuần về tiền và các khoản tương đương tiền		2.372.799	(36.775)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.567.789	2.604.718
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh		-	(154)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	23	4.940.588	2.567.789

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc

Phạm thị Tỷ
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với hoạt động chính là thực hiện các dịch vụ ngân hàng và tài chính có liên quan theo Giấy phép hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng có 1.069 nhân viên (*ngày 31 tháng 12 năm 2005: 711 nhân viên*).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”) làm tròn đến hàng triệu gần nhất, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia khác. Vì vậy, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Ngân hàng áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế

toán áp dụng trong năm trước ngoại trừ những vấn đề được trình bày trong các thuyết minh khác.

Ngân hàng sở hữu toàn bộ ba công ty con là Công ty Chứng khoán Thăng Long, Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội, và Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Hà Nội. Các công ty con này không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Ngân hàng theo yêu cầu Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán đầu tư vào các công ty con”. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo nguyên giá vì Ban Lãnh đạo Ngân hàng cho rằng các khoản đầu tư này là không trọng yếu đối với Ngân hàng.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ, được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được qui đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các cam kết theo các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá/các tỷ giá hối đoái kỳ hạn xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại kết thúc niên độ kế toán . Lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc đánh giá lại trên được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá lại trên báo cáo cân đối kế toán.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các ngân hàng khác với kỳ hạn đáo hạn gốc dưới 90 ngày.

(e) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái

phiếu NHNNVN và trái phiếu của các ngân hàng và tổ chức khác. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ cho mục đích thu lãi ngắn hạn được phân loại là công cụ kinh doanh. Các chứng khoán mà ngân hàng có ý định chắc chắn và có khả năng nắm giữ tới ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Khi thích hợp, dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư được lập theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ.

Nhóm		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Trong hạn	0%
2	Nợ cần chú ý	Quá hạn dưới 90 ngày hoặc trong hạn sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	Quá hạn từ 90 đến 180 ngày hoặc quá hạn dưới 90 ngày sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	20%
4	Nợ nghi ngờ	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày hoặc quá hạn từ 90 đến 180 ngày sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	Quá hạn trên 360 ngày hoặc quá hạn trên 180 ngày sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	100%

Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 và số dư của các khoản bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không hủy ngang tại ngày 30 tháng 11 năm 2006. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,21% trên tổng số dư trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2006. Cũng theo Quyết định này, các khoản cho vay và ứng trước được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay và ứng trước đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(f) Các khoản cho vay và ứng trước

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của NHNNVN, dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay và ứng trước trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay và ứng trước. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán (ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được xác định:

Không có khoản dự phòng chung nào được lập đối với rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự trữ tài chính được lập theo yêu cầu của NHNNVN (Thuyết minh số 19).

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm

phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| • Nhà cửa và hạ tầng cơ sở | 17 - 28 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 4 - 7 năm |
| • Phương tiện vận chuyển | 6 - 7 năm |
| • Tài sản khác | 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được phân bổ. Quyền sử dụng đất với thời hạn xác định được phân bổ theo thời hạn trên giấy xác nhận quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào

vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(j) Ghi nhận doanh thu

Thu nhập được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

(k) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh.

(m) Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của toàn bộ cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi.

(n) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư.

(o) Các chỉ tiêu ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, Ngân hàng có các cam kết ngoại bảng.

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh và giảm rủi ro ngoại hối và các rủi ro khác của thị trường, đồng thời phục vụ cho mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác

định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại mỗi thời điểm Ngân hàng có các cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và các khoản nợ này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và không kỳ hạn.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư trung bình hàng tháng của quỹ dự trữ không được thấp hơn 8% (ngày 31 tháng 12 năm 2005: 8%), đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng; 2% (ngày 31 tháng 12 năm 2005: 2%), đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 đến 24 tháng; 5% (ngày 31 tháng 12 năm 2005: 5%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn dưới 12 tháng; 2% (ngày 31 tháng 12 năm 2005: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VND với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, được sử dụng làm cơ sở để tính dự quỹ dự trữ bắt buộc.

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo loại tiền tệ như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Bảng VNĐ	279.987	117.451
Bảng Đô la Mỹ (“USD”)	27.712	1.009
	307.699	118.460

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Tiền gửi bằng VNĐ		
Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	27.712	1.009
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	307.699	118.460
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức yêu cầu dự trữ bắt buộc	1%	%

4. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn	174.409	225.601
Tiền gửi có kỳ hạn	5.541.837	2.725.681
	5.716.246	2.951.282

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác theo loại tiền tệ như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Bằng VNĐ	4.633.910	2.007.421
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	1.082.336	943.861
	5.716.246	2.951.282

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1,2% - 4,2%	1,2 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0%-0,5%	0,5 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,05% - 10,5%	7% - 8,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5,1% - 5,8%	2%- 4,4%

5. Chứng khoán đầu tư

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Giữ tới ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ bằng USD	48.273	47.739
Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ	549.461	366.000
Công trái Giáo dục	16.759	16.759
Trái phiếu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	47.435	47.435
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	5.000	-
Trái phiếu khác	1.000	-
	667.928	477.933

6. Chứng khoán dựa trên hợp đồng mua bán

Khoản này bao gồm các trái phiếu do Quỹ Hỗ trợ Phát triển và Kho bạc Nhà nước phát hành theo các hợp đồng mua bán với các công ty chứng khoán. Các trái phiếu này bằng VNĐ. Tại ngày đáo hạn của các hợp đồng mua bán, các công ty chứng khoán sẽ mua lại các trái phiếu này.

7. Cho vay và ứng trước cho khách hàng

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Ngắn hạn	4.145.504	2.867.120
Trung và dài hạn	1.699.932	1.385.219
Các khoản khác	60.522	48.085
	5.905.958	4.300.424
Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước	(163.016)	(82.286)
Tổng cộng các khoản cho vay và ứng trước	5.742.942	4.218.138

Các khoản cho vay và ứng trước theo đối tượng khách hàng như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Doanh nghiệp nhà nước		
Cá nhân, công ty TNHH và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.899.017	2.322.754
	3.006.941	1.977.670
	5.905.958	4.300.424

Các khoản cho vay và ứng trước theo loại tiền tệ như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
VND	4.231.327	3.163.416
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	1.674.631	1.137.008
	5.905.958	4.300.424

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2006	2005
Các khoản cho vay thương mại bằng VND	10,5% - 13,5%	10,2% - 12%
Các khoản cho vay thương mại bằng ngoại tệ	6% - 7,5%	5,5% - 6,5%

Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng bao gồm:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Dự phòng chung	12.038	6.964
Dự phòng cụ thể	150.978	75.322
	163.016	82.286

Biến động dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Số dư tại ngày 1 tháng 1	82.286	24.791
Trích lập dự phòng trong năm	120.693	71.390
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.754)
Xử lý nợ trong năm	(39.963)	(11.141)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	163.016	82.286

8. Đầu tư góp vốn

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Đầu tư vào các công ty con (i)	159.225	72.225
Đầu tư góp vốn (ii)	174.800	51.077
	334.025	123.302

(ii) Khoản này bao gồm các khoản đầu tư vào ba công ty con mà Ngân hàng sở hữu toàn phần là Công ty Chứng khoán Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội, và Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Hà Nội. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng do Ban lãnh đạo Ngân hàng cho rằng các khoản đầu tư này là không trọng yếu đối với Ngân hàng. Cổ tức được ghi nhận khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức. Chi tiết của các khoản đầu tư này tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Công ty Chứng khoán Thăng Long	120.000	43.000
Công ty Quản lý Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	29.225	29.225
Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Hà Nội	10.000	-
	159.225	72.225

(ii) Khoản này phản ánh khoản đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế tại Việt Nam, ghi nhận theo nguyên giá.

9. Tài sản cố định

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Tài sản cố định hữu hình (i)	123.846	48.657
Tài sản cố định vô hình (ii)	39.851	58.851
	163.697	107.508

(i) Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu VND	Đất đai và cơ sở hạ tầng	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.814	27.828	9.307	3.894	72.843
Tăng trong năm	38.178	43.119	8.758	445	90.500
Thanh lý	-	(1.375)	(280)	(208)	(1.863)
Số dư cuối năm	69.992	69.572	17.785	4.131	161.480
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	5.552	12.156	4.374	2.104	24.186
Khấu hao trong năm	2.436	9.499	2.432	521	14.888
Thanh lý	-	(1.051)	(181)	(208)	(1.440)
Số dư cuối năm	7.988	20.604	6.625	2.417	37.634
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	62.004	48.968	11.160	1.714	123.846
Số dư đầu năm	26.262	15.672	4.933	1.790	48.657

(ii) Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu VND	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	58.303	3.076	61.379

Đơn vị: triệu VND	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Tăng trong năm	-	6.233	6.233
Thanh lý	(22.839)	-	(22.839)
Số dư cuối năm	35.464	9.309	44.773
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	1.576	952	2.528
Khấu hao trong năm	390	2.004	2.394
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối năm	1.966	2.956	4.922
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	33.498	6.353	39.851
Số dư đầu năm	56.727	2.124	58.851

10. Tài sản khác

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Lãi dự thu	85.118	31.694
Tạm ứng xây dựng trụ sở	6.478	58.876
Tạm ứng chi phí hoạt động	66.705	27.762
Các tài sản khác	29.743	10.588
	188.044	128.920

11. Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn	435	1.397
Tiền gửi có kỳ hạn	1.070.795	947.789
Vay từ các tổ chức tín dụng khác	100.000	100.000
	1.171.230	1.049.186

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác theo loại tiền tệ như sau:

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
VND	901.281	977.237
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	269.949	71.949
	1.171.230	1.049.186

Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 289.081 triệu VND (năm 2005: 169.796 triệu VND).

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,4%	2,4 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,1%	0,1 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	7,8% - 8,2%	6 %- 8%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,78% - 5,3%	2%- 2,5%

12. Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Các khoản vay theo thỏa thuận mua lại (i)	30.000	146.701
Các khoản vay bằng việc cầm cố các giấy tờ có giá	-	80.000
	30.000	226.701

- (i) Các khoản vay này bao gồm các thỏa thuận mua lại bằng VND các giấy tờ có giá với NHNNVN. Ngân hàng đồng ý bán các giấy tờ có giá này cho NHNNVN và sẽ mua lại các giấy tờ có giá này tại ngày đáo hạn với giá bằng giá bán trừ đi một khoản chênh lệch.

13. Các nguồn vốn vay khác

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Các khoản vay theo thỏa thuận mua lại (i)	30.000	146.701
Các khoản vay bằng việc cầm cố các giấy tờ có giá	-	80.000
	30.000	226.701

- (i) Khoản này phản ánh khoản vốn ủy thác từ Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam dùng để đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Tổng số vốn là 3.000.000 Đô la Mỹ, sẽ được hoàn trả khi trái phiếu đầu tư đáo hạn. Ngân hàng thay mặt Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam đầu tư vào trái phiếu chính phủ (xem Thuyết minh số 5). Ngân hàng được nhận khoản phí là 0,1% trên tổng số tiền ủy thác. Tiền lãi của khoản đầu tư này sẽ được trả cho Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- (ii) Khoản này thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thế Giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) để hỗ trợ cho Dự án Tài chính nông thôn II theo Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng Thế Giới và Bộ Tài Chính ngày 9 tháng 9 năm 2002 trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) là đơn vị thực hiện. Ngân hàng ký hợp đồng phụ và sửa đổi hợp đồng phụ với BIDV vào ngày 10 tháng 5 năm 2004 và ngày 16 tháng 7 năm 2005. Tổng số vốn từ BIDV là 50 tỷ Đồng Việt Nam, sẽ được điều chỉnh hàng năm và lịch trả nợ tùy thuộc

vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản vay, như đã được xác định trong hợp đồng. Ngân hàng trả lãi suất là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng một khoản chênh lệch. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần.

14. Tiền gửi của khách hàng

Đơn vị: triệu VND

	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn	4.175.545	2.905.073
Tiền gửi tiết kiệm	4.418.538	2.327.827
Tiền gửi có kỳ hạn	1.145.730	319.955
Tiền gửi ký quỹ	688.631	516.544
Tiền gửi cho các mục đích đặc biệt khác	11.746	413
	10.440.190	6.069.812

Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có thể được thanh toán theo yêu cầu và được hưởng lãi suất không cố định. Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có lãi suất cố định và thả nổi và có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 60 tháng.

Tiền gửi ký quỹ bao gồm tiền gửi ký quỹ để mở thư tín dụng, bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng của khách hàng và các mục đích khác.

Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ như sau:

Đơn vị: triệu VND

	2006	2005
VND	7.949.207	3.958.120
Ngoại tệ (chủ yếu là US\$)	2.490.983	2.111.692
	10.440.190	6.069.812

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	2,4%	2,4 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,4%- 1,25%	0,4 %- 1,25 %
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	7,08%- 8,4%	6,96 %- 9,48 %
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	1,25%- 3%	1 %- 5 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,64%-8,76%	5,64 %- 8,76 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,9%- 1,5%	0,9 %- 1,9 %

15. Trái phiếu chuyển đổi phát hành

Khoản này thể hiện trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng phát hành vào ngày 30 tháng 11 năm 2006 với kỳ hạn 5 năm. Các trái phiếu bằng tiền Đồng Việt Nam có mệnh giá là 1 triệu VND. Trái phiếu này được hưởng lãi suất 8% một năm, được thanh toán vào 30 tháng 11 hàng năm. Người giữ trái phiếu được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông vào ngày 30 tháng 11 năm 2011 với tỷ lệ chuyển đổi là 1 trái phiếu đổi 1 cổ phiếu.

16. Nợ phải trả khác

Đơn vị: triệu VND

	2006	2005
Lãi phải trả	131.495	55.748
Các khoản phải trả khác	61.404	72.567
	192.899	128.315

17. Dự phòng thuế phải nộp

Đơn vị: triệu VND

	2006	2005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.968	16.924
Các loại thuế khác	1.524	305
	11.492	17.229

18. Vốn điều lệ

Đơn vị: triệu VND

	2006		2005	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Cổ phiếu phát hành tại ngày 31 tháng 12	1.045.200	1.045.200	450.000	450.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 1 triệu VND.

Biến động vốn điều lệ trong năm như sau:

Đơn vị: triệu VND

	2006	2005
Số dư tại ngày 1 tháng 1	450.000	350.000
Góp vốn	315.000	100.000
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần	280.200	-
	1.045.200	450.000

19. Các quỹ

Đơn vị: triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	Quỹ khác	Tổng cộng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2005	13.845	24.067	2.377	5.504	45.793
Trích lập các quỹ	3.841	7.299	-	13.885	25.025
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(11.014)	(11.014)
Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	(2.377)	-	(2.377)
Các biến động khác	-	-	-	(154)	(154)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2005	17.686	-	-	8.221	57.273
Trích lập các quỹ	5.553	-	-	28.143	44.246
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(25.802)	(25.802)
Các biến động khác	-	-	-	(127)	(127)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2006	23.239	41.916	-	10.435	75.590

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng và Nghị định số 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, các ngân hàng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự trữ sau đây được tính trên lợi nhuận sau thuế, và sau khi đã trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các khoản lỗ lũy kế không được khấu trừ.		
Quỹ dự phòng tài chính:	10% lợi nhuận còn lại	25% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện trong năm sau khi đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự phòng này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	41.910	37.724
Dự phòng thuế thiếu/(thừa) của các năm trước	(442)	1.846
	41.468	39.570
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")	41.468	39.570

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Lợi nhuận trước thuế	252.889	148.615
Thu nhập không chịu thuế - ròng	(103.211)	(13.885)
Lợi nhuận chịu thuế	149.678	134.730
Thuế theo thuế suất thuế TNDN	41.910	37.724
Dự phòng thuế thiếu/(thừa) của các năm trước	(442)	1.846
	41.468	39.570

Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp nhận của cơ quan tính thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho Nhà nước theo thuế suất bằng 28% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

21. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 211.421 triệu VNĐ (2005: 109.045 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 594.426 (2005: 370.452), được tính toán như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng	211.421	109.045
(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành		
	2006	2005
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	450.000	350.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành trong năm	144.426	20.452
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	594.426	370.452

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 212.548 triệu và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 613.714 sau khi điều chỉnh do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (suy giảm)	
	2006
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (cơ bản)	211.421
Chi phí lãi trên trái phiếu có thể chuyển đổi, sau ảnh hưởng của thuế	1.127
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (suy giảm)	212.548
(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (suy giảm)	
	2006
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cơ bản)	594.426
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu có thể chuyển đổi	19.288
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (suy giảm) tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	613.714

22. Cổ tức

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Cổ tức đã được duyệt	37.645	27.620
Tạm ứng cổ tức	47.432	27.898
	85.077	55.518

23. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: triệu VND	2006	2005
Tiền mặt tại quỹ	156.984	89.390
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	307.699	118.460
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	4.475.905	2.359.939
	4.940.588	2.567.789

Bao gồm trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền là các khoản tiền và tương đương tiền bằng các loại tiền tệ không phải là VND có giá trị tương đương 1.085.539 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2005: 866.329 triệu VND).

24. Kỳ đáo hạn của các tài sản và công nợ

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng, tính theo thời hạn từ thời hạn gốc cho đến ngày phải thanh toán. Thực tế, kỳ đáo hạn của các tài sản hoặc công nợ có thể khác với thời hạn quy định trong hợp đồng trên cơ sở các thỏa thuận miễn phí và phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006:

Kỳ đáo hạn của những tài sản và công nợ tài chính	Không kỳ hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản tài chính					
Tiền mặt tại quỹ	156.984	-	-	-	156.984
Tiền gửi tại NHNNVN	307.699	-	-	-	307.699
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	174.409	5.191.837	350.000	-	5.716.246
Chứng khoán đầu tư		-	667.928	-	667.928
Chứng khoán theo các hợp đồng mua lại		251.791	-	-	251.791
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (gộp)		4.206.026	1.243.610	456.322	5.905.958
Đầu tư góp vốn (gộp)		-	31.278	302.747	334.025
	639.092	9.649.654	2.292.816	759.069	13.340.631
Công nợ tài chính					
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	435	1.088.722	33.800	48.273	1.171.230
Tiền vay từ NHNNVN		30.000	-	-	30.000
Nguồn vốn vay khác		-	88.042	-	88.042
Tiền gửi của khách hàng	4.881.015	3.026.892	2.532.190	93	10.440.190
Trái phiếu chuyển đổi phát hành		-	220.000	-	220.000
	4.881.450	4.145.614	2.874.032	48.366	11.949.462

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005:

Kỳ đáo hạn của những tài sản và công nợ tài chính	Không kỳ hạn	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản tài chính					
Tiền mặt tại quỹ, giấy tờ có giá	89.390				89.390
Tiền gửi tại NHNNVN	118.460				118.460
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	225.601	2.607.490	118.191		2.951.282
Chứng khoán đầu tư			477.933		477.933
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (gộp)		2.867.121	1.144.814	288.489	4.300.424
Đầu tư góp vốn (gộp)		5.474.611	51.077	72.225	123.302
	433.451		1.792.015	360.714	8.060.791
Công nợ tài chính					
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	1.397	923.691	124.098		1.049.186
Tiền vay từ NHNNVN		226.701			226.701
Nguồn vốn vay khác			82.013		82.013
Tiền gửi của khách hàng	3.424.644	1.997.722	647.364	82	6.069.812
	3.426.041	3.148.114	853.475	82	7.427.712

Đơn vị: triệu VND

Phê duyệt bởi:

Lê Văn Bé
Tổng giám đốc

Phạm thị Tỷ
Kế toán trưởng